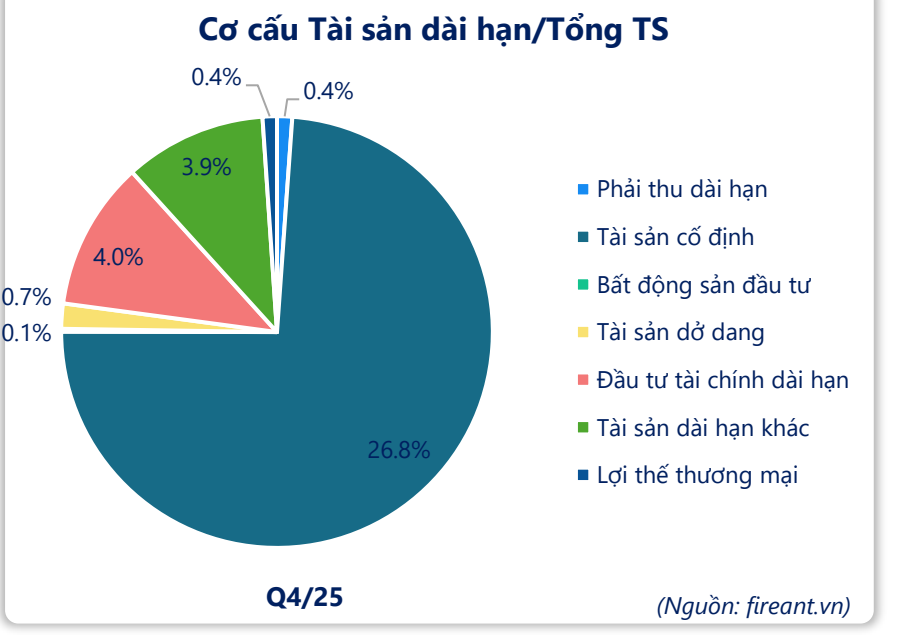
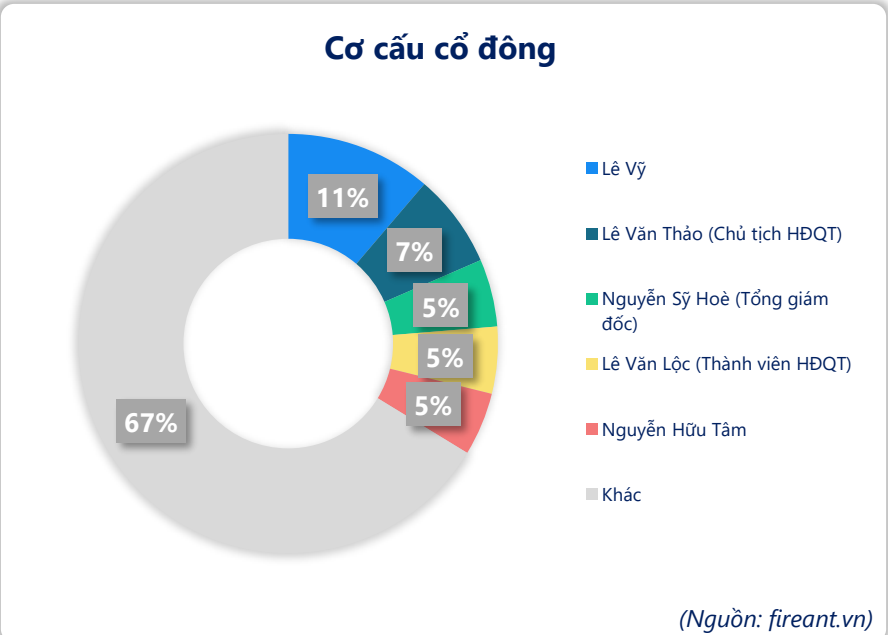
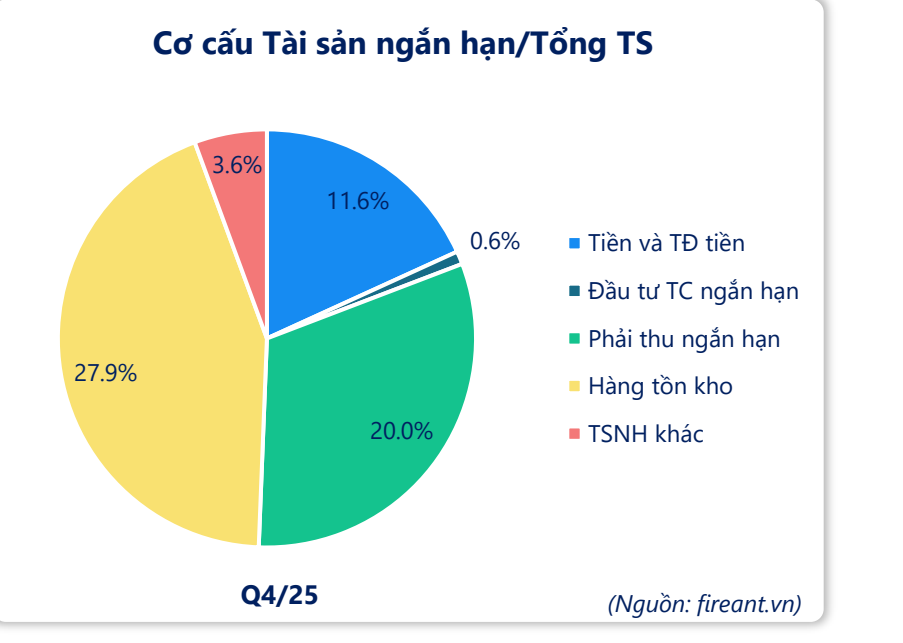
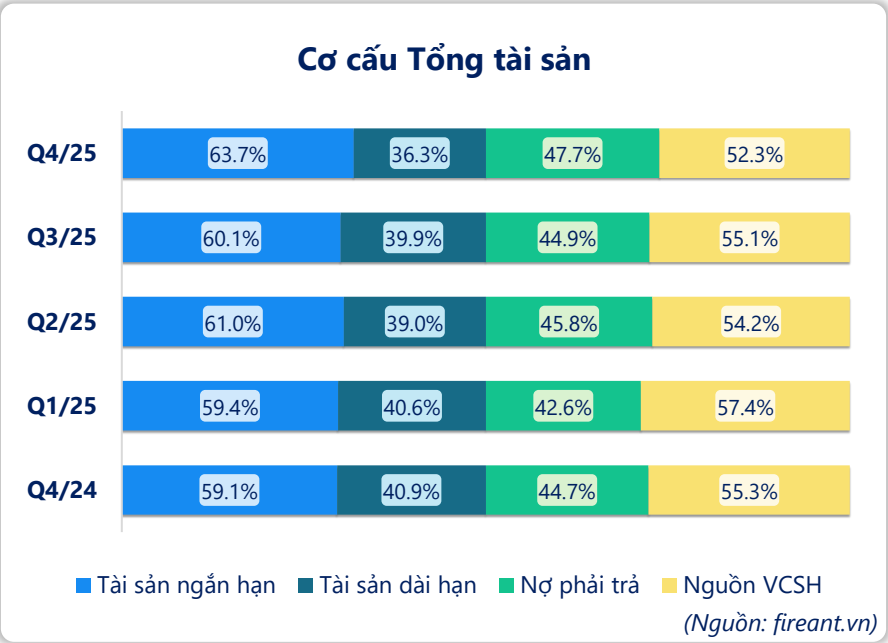
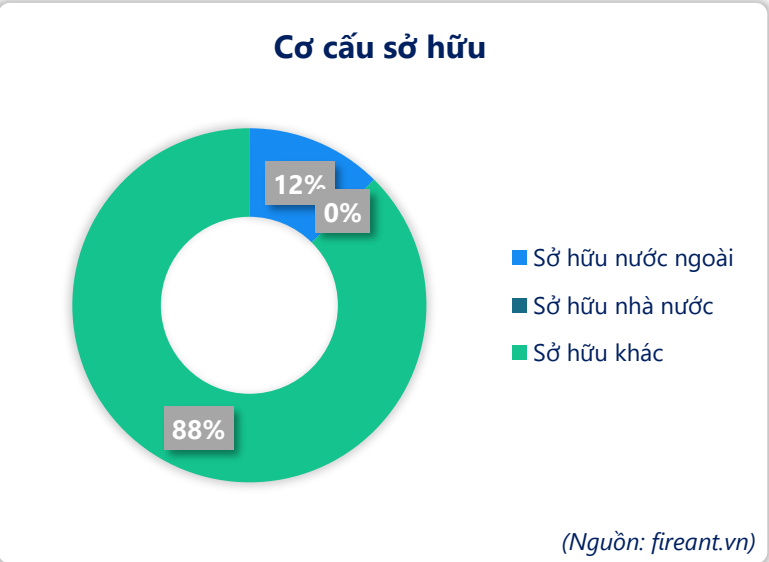
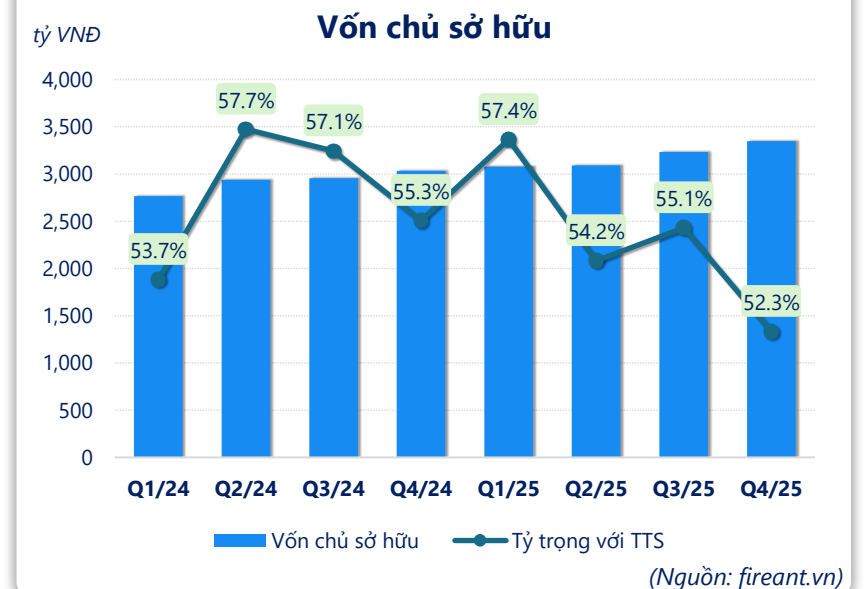
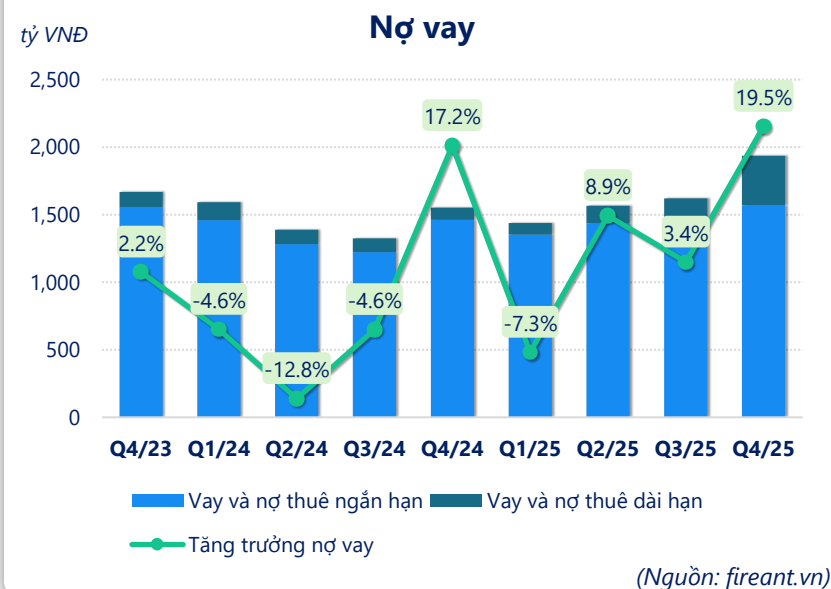
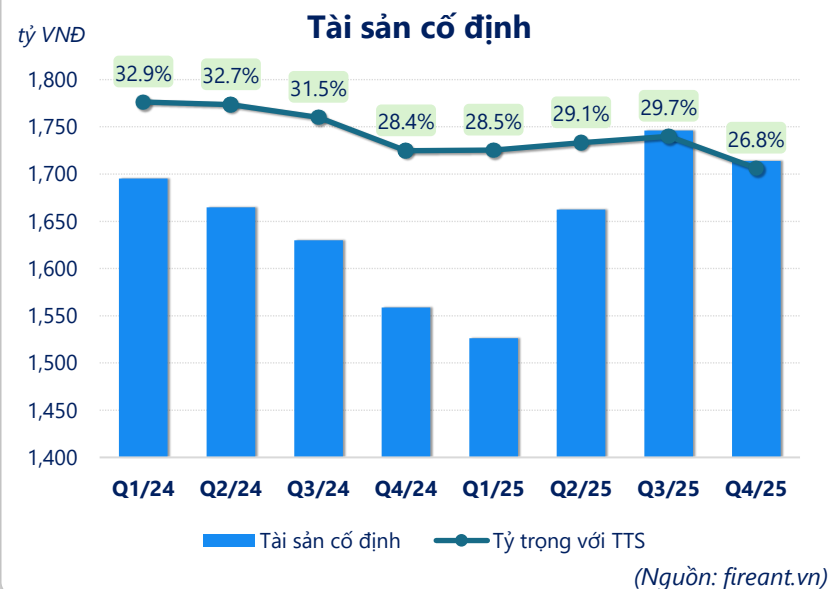
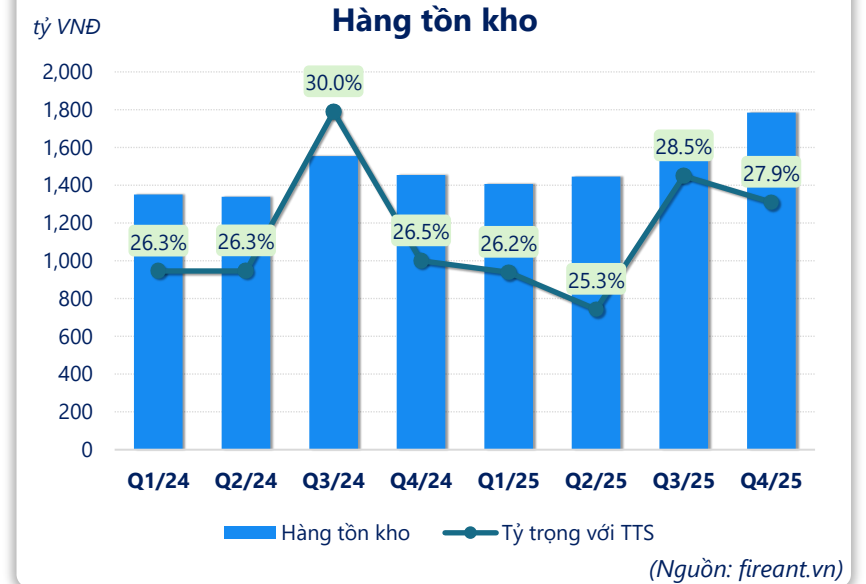
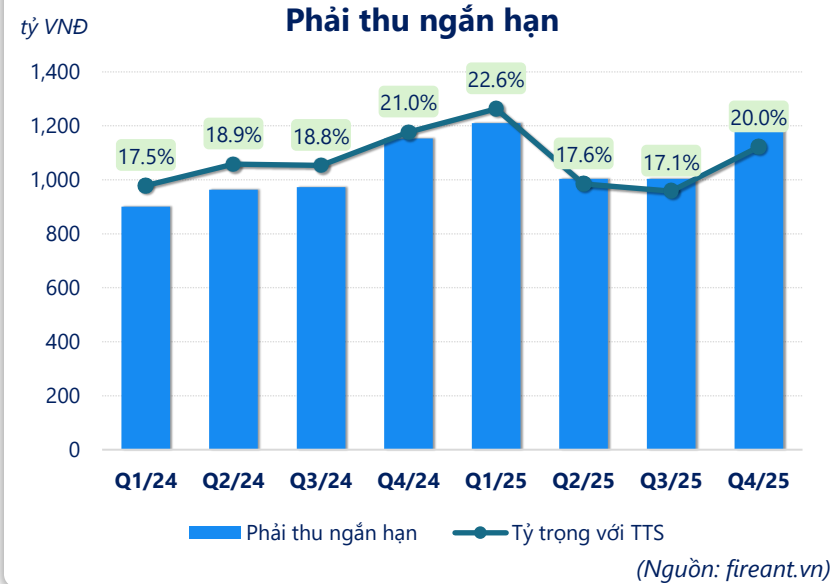
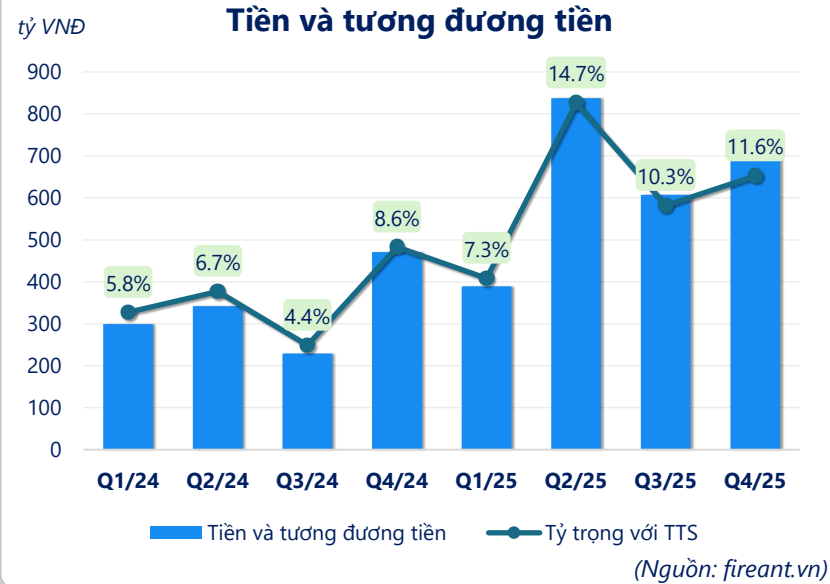
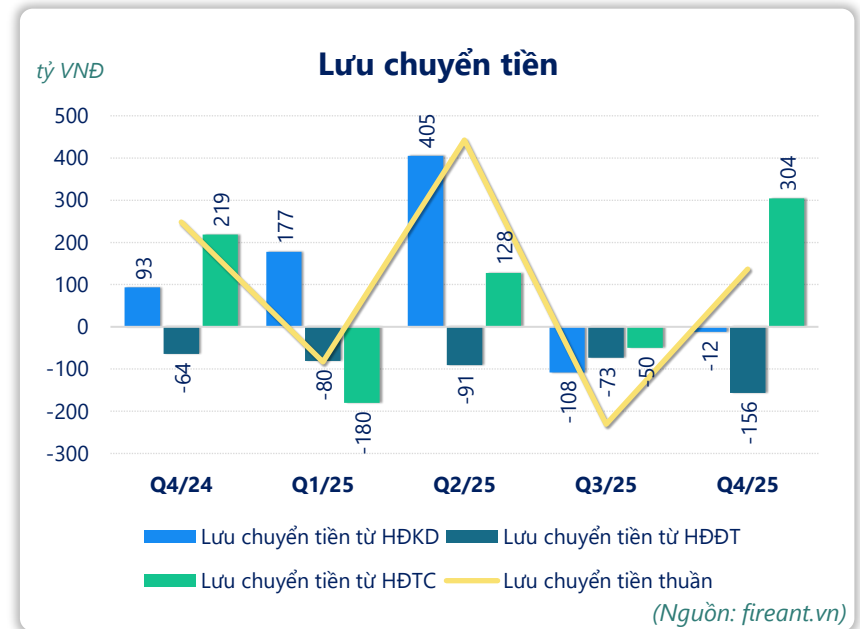
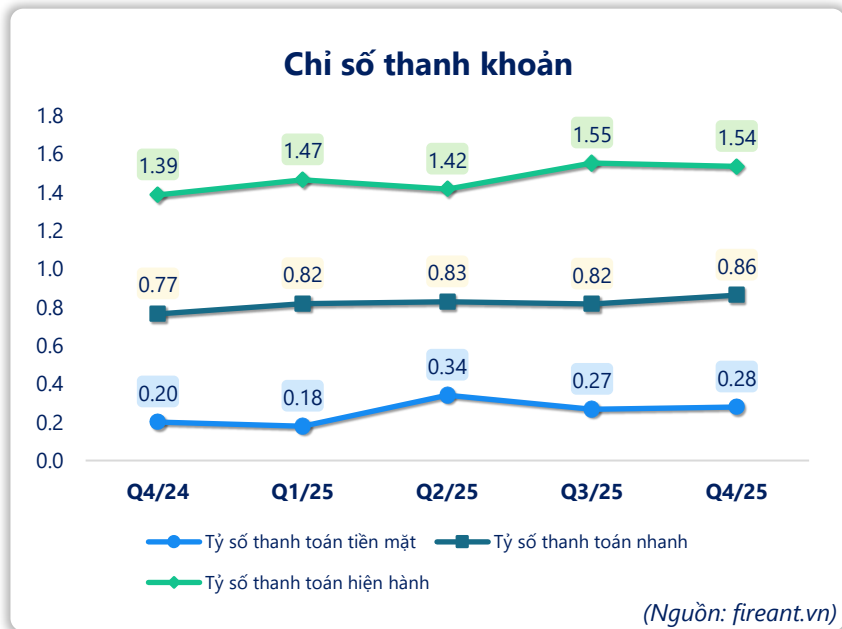
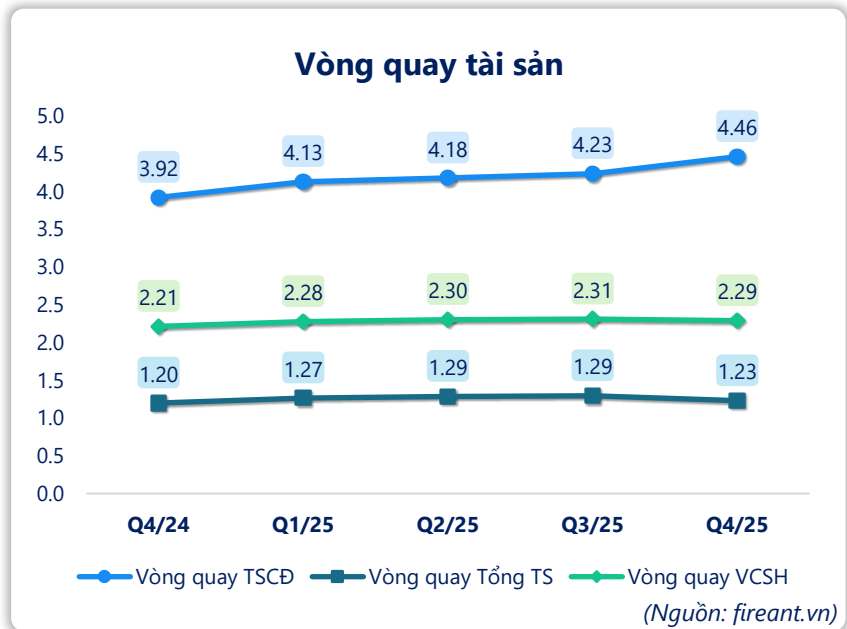
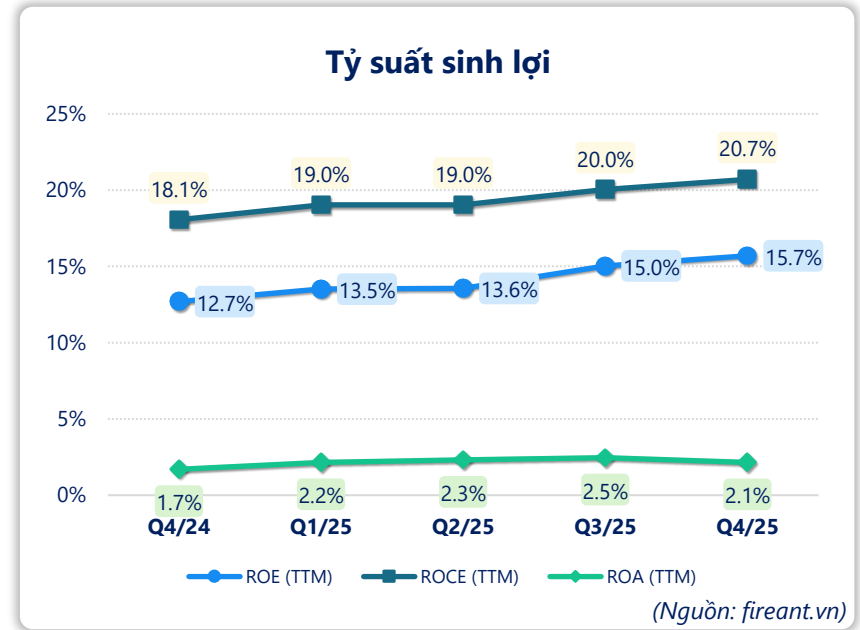
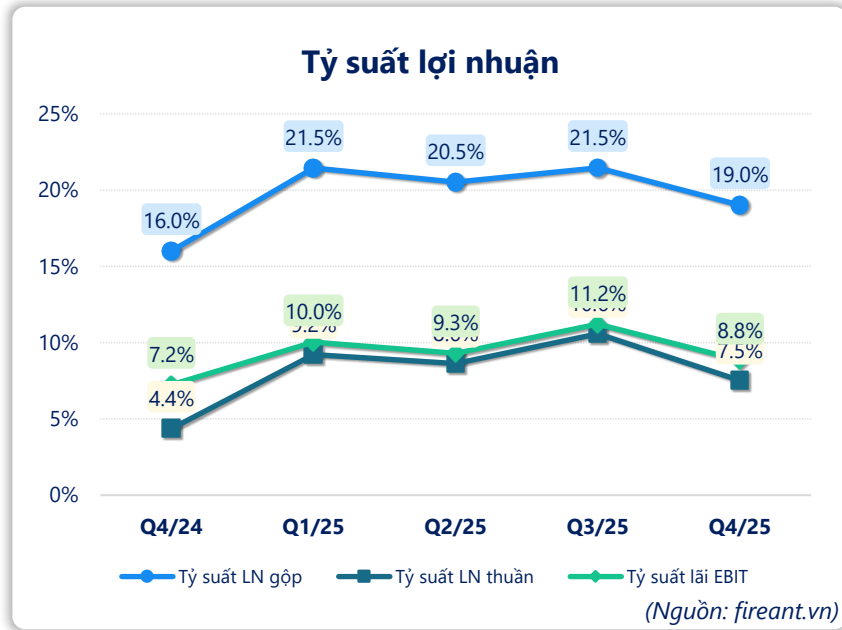
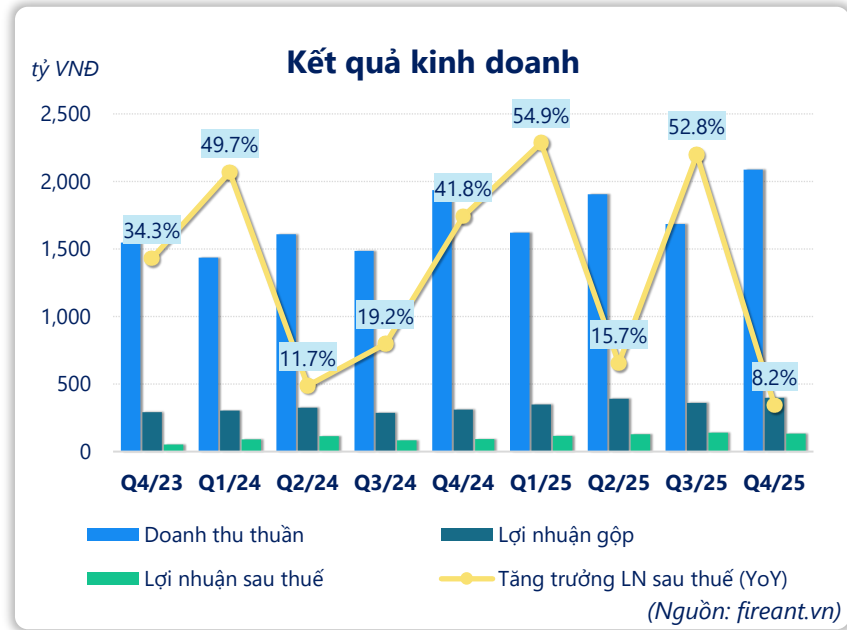


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		47,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		56,254
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		40,727
SL cổ phiếu LH		80,326,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)		117,535
% sở hữu nước ngoài		12.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,779
P/E		7.5
EPS		6,236

	YTD	1T	3T	6T
PTB	-16.2%	4.9%	14.2%	-0.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,397	5,489	16.5%
Tài sản ngắn hạn	4,078	3,314	23.1%
Tiền và tương đương tiền	742	471	57.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.1	26.1	57.7%
Phải thu ngắn hạn	1,282	1,221	4.9%
Hàng tồn kho	1,784	1,455	22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	229	140	63.0%
Tài sản dài hạn	2,320	2,175	6.6%
Phải thu dài hạn	26.4	28.9	-8.8%
Tài sản cố định	1,714	1,559	10.0%
Bất động sản đầu tư	4.93	5.15	-4.4%
Tài sản dở dang	43.7	73.2	-40.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	259	257	0.8%
Tài sản dài hạn khác	247	244	1.1%
Lợi thế thương mại	24.9	8.84	182%
Nợ phải trả	3,049	2,456	24.1%
Nợ ngắn hạn	2,656	2,352	13.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,569	1,471	6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	557	516	7.8%
Nợ dài hạn	393	105	276%
Vay và nợ thuê dài hạn	367	81.5	350%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,348	3,033	10.4%
Vốn chủ sở hữu	3,348	3,033	10.4%
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,936	1,620	1,905	1,684	2,088
Giá vốn hàng bán	1,626	1,273	1,514	1,322	1,691
Lợi nhuận gộp	310	348	391	361	397
Doanh thu HĐTC	29.1	14.0	31.8	23.2	23.6
Chi phí TC	20.8	19.6	21.4	20.8	29.9
Chi phí lãi vay	17.7	17.4	19.3	17.8	23.1
LN trong công ty LKLD	0.09	1.24	-0.59	0.59	-0.13
Chi phí bán hàng	148	131	150	130	153
Chi phí QLDN	86.0	63.3	86.6	56.4	81.0
LN thuần từ HĐKD	84.5	149	164	178	157
Lợi nhuận khác	38.1	-4.10	-6.31	-7.08	4.39
LN trước thuế	123	145	158	171	161
Lợi nhuận sau thuế	93.7	117	129	140	133
LNST của CĐ cty mẹ	91.7	113	125	136	127

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	93.4	177	405	-108	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-64.1	-80.5	-90.8	-73.0	-156
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	219	-180	128	-49.7	304
Tiền đầu kỳ	229	471	389	837	607
Lưu chuyển tiền thuần	248	-83.3	442	-231	136
Ảnh hưởng tỷ giá	-5.98	1.74	5.75	0	-1.58
Tiền cuối kỳ	471	389	837	607	742

(Nguồn: fireant.vn)